**CHUYÊN ĐỀ**

 **Đánh giá kết quả cơ cấu lại**

**ngành kinh tế nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020**

***Lê Mạnh Hùng***

***Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương***

 Có nhiều ý kiến cho rằng, nông nghiệp Việt Nam đã phát triển tương đối tốt, Việt Nam xuất khẩu được nhiều hàng hóa nông sản. Tuy nhiên, thực tế không phải như vậy, vẫn còn nhiều hạn chế trong sản xuất nông nghiệp, làm chúng ta phải quan tâm nhiều hơn đến phát triển ngành nông nghiệp. Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong sản phẩm quốc nội (GDP) giảm dần, nhưng không có nghĩa là vai trò của ngành nông nghiệp giảm. Thực tế cho thấy, nhiều nước phát triển như Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Nhật Bản... có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới nhưng là những nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Ngược lại, các nước Đông Á, được công nhận thực hiện tốt phát triển nông nghiệp đồng thời với công nghiệp hóa, nhưng hiện nay phải nhập khẩu lương thực và hàng hóa nông sản.

 Mục tiêu cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp đến năm 2020 ở nước ta là: Tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt 3%/năm, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP còn khoảng 10%, tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 40%. Thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015 và 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, phát triển 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả**,** người dân nông thôn được sử dụng nước sạch... Như vậy, khi đã công nghiệp hóa thành công, vai trò của nông nghiệp ở nước ta vẫn có giá trị cao, bản chất đất nước vẫn là nước có nền kinh tế công nghiệp - nông nghiệp. Vì vậy, chúng ta phải nhận thức phát triển ngành nông nghiệp là một mục tiêu trọng tâm của phát triển kinh tế đất nước.

Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông dân và nông thôn có liên quan mật thiết đến sự phát triển bền vững của đất nước. Nếu khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn ngày càng tăng cao, sự phân hóa giầu, nghèo và phân hóa xã hội tăng lên, dù có đạt được sự tăng trưởng cao, cũng chưa thể công nhận đó là sự phát triển bền vững. Có thể nhận thức, nông nghiệp, nông dân và nông thôn là ba vấn đề có mối quan hệ và tương tác với nhau, nếu giải quyết không tốt mối quan hệ này đồng bộ thì không thể hiện đại hóa đất nước thành công và đưa đất nước phát triển toàn diện.

 **Mở đầu**

 Yêu cầu cải cách thể chế nền kinh tế Việt Nam đang đặt ra bức thiết trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có những dấu hiệu chưa phục hồi. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt 3,0% năm 2017, 2018 đạt 3,1% năm, dự báo 2019 đạt..., năm 2020.... Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế thế gới hiện nay cho thấy tăng trưởng kinh tế có thể suy giảm, rủi ro và không ổn định. Quan hệ kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, nhất là quan hệ Hoa Kỳ và Trung Quốc, dịch bệnh Covid-19 tác động mạnh đến các ngành kinh tế thế giới và Việt Nam, điều kiện tài chính được thắt chặt tại nhiều nước có nền kinh tế phát triển... Tại thời điểm nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới, nhằm tạo nền tảng thể chế và chính sách phù hợp cho bước phát triển bền vững cho các năm sau.

 Bối cảnh kinh tế Việt Nam có nhiều cơ hội và nhiều thách thức khó khăn đan xen. Quá trình cải cách nền kinh tế được duy trì trong nhiều năm qua đã củng cố niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Sự chuyển biến nhanh của Cách mạng Công nghiệp 4.0 sẽ mang lại cho Việt Nam cơ hội tiếp cận mới về công nghệ, quản lý nền kinh tế bắt kịp các nước phát triển, tiếp cận thị trường và nguồn lực từ bên ngoài từ các Hiệp định thương mại đã ký kết như WTO, CPTPP, EVFTA... vào phát triển đất nước. Những khó khăn trong bối cảnh hiện nay là chất lượng lao động, nâng cao năng xuất lao động, công nghệ sản xuất, vốn đầu tư và xử lý rủi ro, ứng phó với những bất lợi từ bên ngoài, từ những yếu kém của nền kinh tế nước ta sau nhiều năm chưa được khắc phục.

 Thực hiện Nghị quyết số 05- NQ/TW ngày 1 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chính sách tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng xuất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 27/2016/NQ-CP ngày 21tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị Quyết trên.

 Những lý do trên đây là yêu cầu cấp bách để Việt Nam đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội cho giai đoạn tiếp theo. Trong đó, cơ cấu lại ngành nông nghiệp là một nội dung của cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

 Các mục tiêu được đặt ra thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện, hiện đại, bền vững, nâng cao năng suất lao động, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp ở hai nội dung chất lượng và giá cả nhằm nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp ở thị trường trong nước và thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cho đất nước. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội hiện đại, cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất trong ngành nông nghiệp phù hợp, gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển các ngành công nghiệp, ngành dịch vụ và quy hoạch đô thị, xây dựng xã hội nông thôn mới, ổn định, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc, nâng cao dân trí cho người dân nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái.

 Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ, các giải pháp, kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp từ năm 2016 đến năm 2020 đã tạo ra sự chuyển biến về sản xuất các ngành nông nghiệp rõ nét hơn, mang lại một số kết quả tích cực trong tiến trình cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp giai đoạn 2016-2020. Các mục tiêu định tính, định lượng, kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp từng bước được hoàn thành và kết quả đạt được là khả quan. Đánh giá kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020. Bài viết trình bày các nội dung:

 Thứ nhất: Kết quả cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020.

 Thứ hai: Những thách thức, khó khăn do dịch bệnh Covid- 19, thể chế và thực thi chính sách cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp.

 Thứ ba: Đề xuất một số giải pháp cơ bản để thực hiện tái cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp.

 **1. Kết quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020**

 Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 gặp nhiều khó khăn do dịch Covid- 19, giông lốc kèm mưa đá ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, sâu bệnh gây hại ở một số địa phương vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, hạn hán, xâm nhập mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do dịch tả lợn châu phi, giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nông nghiệp có xu hướng tăng. Trước những khó khăn đó người nông dân và ngành nông nghiệp đã có những giải pháp tích cực tháo gỡ những khó khăn, do đó các giải pháp và kế hoạch đặt ra của nội dung cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp được thực hiện tốt. Năng suất cây lương thực trong đó cây lúa vụ đông xuân và vụ hè thu tăng so với cùng kỳ năm trước, ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm được khôi phục và phát triển. Sản xuất lâm nghiệp đã được hồi phục. Sản xuất thủy sản gặp khó khăn trong những tháng đầu năm do xuất khẩu giảm và giá tôm nguyên liệu giảm, nhưng đến tháng 6 đã có dấu hiệu hồi phục sản xuất, thị trường xuất khẩu đã được mở ra. Kết quả sản xuất nông nghiệp đạt được như sau:

**1.1.** Trong 6 tháng đầu năm ngành nông nghiệp đã duy trì tốt tốc độ tăng trưởng, cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng tích cực. Khai thác tốt lợi thế so sánh về địa lý, khí hậu và thổ nhưỡng.

 Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2020 tốc độ tăng trưởng GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,72%. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế.

**Đối với cây lương thực:** Diện tích gieo cấy vụ lúa đông xuân đạt 3.024,1 nghìn ha, đạt 96,8% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương miền Bắc đạt 1.097,8 nghìn ha, đạt 98,3%, các địa phương miền Nam đạt 1.926,3 nghìn ha, đạt 96%.

Năng suất lúa đông xuân cả nước ước đạt 65,8 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương miền Bắc đạt 62,7 tạ/ha, giảm 0,2 tạ/ha, các địa phương miền Nam đạt 67,6 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha. Các tỉnh có năng suất lúa đông xuân tăng so với cùng kỳ năm trước là: tỉnh Vĩnh Long tăng 6,1 tạ/ha, tỉnh Kiên Giang tăng 4,4 tạ/ha, tỉnh Cà Mau tăng 3,9 tạ/ha, tỉnh Hậu Giang tăng 3,2 tạ/ha.

Sản lượng lúa đông xuân cả nước ước đạt 19,9 triệu tấn, giảm 568,4 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm 2019. Trong đó, sản lượng lúa đông xuân ở miền Bắc đạt 6,9 triệu tấn, giảm 142,8 nghìn tấn, vùng Đồng bằng sông Hồng đạt 3,3 triệu tấn, giảm 91,9 nghìn tấn. Một số địa phương có sản lượng lúa đông xuân giảm so với cùng kỳ năm trước là các tỉnh: Thanh Hóa giảm 26,8 nghìn tấn, Hải Phòng giảm 25,1 nghìn tấn, Hưng Yên giảm 15,6 nghìn tấn, Thái Bình giảm 14,9 nghìn tấn. Sản lượng lúa đông xuân ở miền Nam đạt 13 triệu tấn, giảm 425,6 nghìn tấn so với cùng kỳ năm trước, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 10,6 triệu tấn, giảm 300,6 nghìn tấn. Vụ hè thu, cả nước trồng được 1.707,6 nghìn ha, đạt 94,4% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.350,5 nghìn ha, bằng 96,5%.

Cây lương thực khác: Cả nước trồng được 544 nghìn ha ngô, bằng 95,5% cùng kỳ năm trước, 73,4 nghìn ha khoai lang, bằng 91,9%, 23,6 nghìn ha đậu tương, bằng 89,4%, 132 nghìn ha lạc, bằng 95,7% và trồng được 722,8 nghìn ha rau, đậu, bằng 100,1%.

**Cây lâu năm:** Tổng diện tích cây trồng là 3.553,3 nghìn ha, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó nhóm cây công nghiệp đạt 2.184,6 nghìn ha, giảm 0,1%, nhóm cây ăn quả đạt 1.078,4 nghìn ha, tăng 5,1% như xoài, sầu riêng, mít,vải, thanh long... là nhóm cây có múi và nhóm cây có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định. Nhóm cây lấy dầu đạt 178,4 nghìn ha, tăng 1,4%, nhóm cây gia vị, dược liệu đạt 50,5 nghìn ha, tăng 2%, nhóm cây lâu năm khác đạt 61,4 nghìn ha, tăng 2,8%.

Sản lượng một số cây công nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước như: Cây chè đạt 475 nghìn tấn, tăng 2,4%, cây cao su đạt 383 nghìn tấn, tăng 8,8%, cây điều đạt 317 nghìn tấn, tăng 14,9%, cây hồ tiêu đạt 266 nghìn tấn, tăng 2,7%.

 Sản lượng cây ăn quả tăng như cây thanh long, sản lượng đạt 631 nghìn tấn, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước, cây xoài đạt 547 nghìn tấn, tăng 4,4%, cây cam đạt 315 nghìn tấn, tăng 6,8%, cây bưởi đạt 220 nghìn tấn, tăng 8,4% và cây vải đạt 144 nghìn tấn, tăng 20%.

**Ngành chăn nuôi trâu, bò:** duy trì ổn định, đàn trâu có xu hướng giảm do hiệu quả kinh tế thập. Chăn nuôi bò phát triển do được hỗ trợ về vốn, kỹ thuật chăn nuôi, có thị trường tiêu thụ và có lợi nhuận. Đàn trâu cả nước giảm 2% so với cùng thời điểm năm 2019, đàn bò tăng 3,4%, sản lượng thịt trâu đạt 49 nghìn tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2019, sản lượng thịt bò đạt 187,5 nghìn tấn, tăng 4,1%, sản lượng sữa bò tươi đạt 522,2 nghìn tấn, tăng 8,1%.

Chăn nuôi lợn khôi phục chậm, nguyên nhân giá lợn giống ở mức cao, hộ nông dân không có vốn, tâm lý lo ngại dịch bệnh. Vì vậy, sản lượng thịt đạt 1.636,9 nghìn tấn, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng gia cầm tăng do hộ nông dân và doanh nghiệp mở rộng quy mô chăn nuôi. Tổng sản lượng gia cầm của cả nước tăng 7,4% so với cùng thời điểm năm trước, sản lượng thịt đạt 702,1 nghìn tấn, tăng 12,3%, sản lượng trứng đạt 7,2 tỷ quả, tăng 11% .

**Đối vơi ngành lâm nghiệp:** Sản xuất lâm nghiệp được hồi phục. Trong quý 2, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 73,7 nghìn ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước do nhiều nhà máy chế biến gỗ hủy đơn hàng xuất khẩu nên hạn chế hoặc dừng thu mua gỗ nguyên liệu, số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 22,8 triệu cây, giảm 3,8%, sản lượng gỗ khai thác đạt 4.665 nghìn m3, tăng 0,7%, sản lượng củi khai thác đạt 5,2 triệu ste, giảm 1,9%. Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 106,3 nghìn ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 44,5 triệu cây, giảm 2,2%, sản lượng gỗ khai thác đạt 7.526 nghìn m3, tăng 2%, sản lượng củi khai thác đạt 9,85 triệu ste, giảm 0,9%.

Có 1.304 ha rừng bị thiệt hại, tăng 43,8% so với cùng kỳ năm trước, diện tích rừng bị cháy l 975,6 ha, tăng 71,9%, diện tích rừng bị chặt phá là 328,4 ha, giảm 3,2%.

**Đối với ngành thủy sản:** Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhu cầu tiêu thụ hải sản nội địa giảm và thị trường xuất khẩu gặp khó khăn. Tuy nhiên, ngành thủy sản vẫn duy trì sản xuất. Tổng sản lượng thủy sản đạt 3.864 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng cá đạt 2.890,5 nghìn tấn, tăng 1,1%, tôm đạt 422,8 nghìn tấn, tăng 4%, thủy sản khác đạt 550,7 nghìn tấn, tăng 2,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.977,1 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng cá đạt 1.415,8 nghìn tấn, tăng 0,2%, sản lượng tôm đạt 347,3 nghìn tấn, tăng 5,5%, sản lượng thủy sản khác đạt 214 nghìn tấn, tăng 7,4%.

Sản xuất cá tra 6 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn. Giá cá tra nguyên liệu từ đầu năm đến trung tuần tháng Sáu dao động ở mức 17.500 đồng/kg - 18.000 đồng/kg, người nuôi đang lỗ từ 3.000 đồng/kg - 5.000 đồng/kg. Kim ngạch xuất khẩu cá tra giảm 24,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng đạt 644,7 nghìn tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng tôm sú ước đạt 118,7 nghìn tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2019, sản lượng tôm thẻ chân trắng ước tính đạt 200,5 nghìn tấn, tăng 6,6%.

Nuôi tôm nước lợ gặp nhiều khó khăn do hạn hán, xâm nhập mặn, nhiệt độ biến động làm giảm sức đề kháng của tôm. Trong 5 tháng đầu năm nay có 29,8 nghìn ha diện tích nuôi tôm nước lợ bị thiệt hại, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước.

Sản lượng thủy sản khai thác 6 tháng đầu năm ước đạt 1.886,9 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 1.474,7 nghìn tấn, tăng 2%; tôm đạt 75,5 nghìn tấn, giảm 2,3%, thủy sản khác đạt 336,7 nghìn tấn, giảm 0,4%. Sản lượng thủy sản khai thác biển 6 tháng đạt 1.808 nghìn tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng cá đạt 1.421,6 nghìn tấn, tăng 2,1%, sản lượng tôm đạt 70,5 nghìn tấn, giảm 0,8%.

Năng suất lúa, cây trồng, chăn nuôi tăng trong 6 tháng đã khẳng định việc cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giống lúa mới chất lượng cao cho giá trị kinh tế cao dần thay thế giống lúa có năng suất, chất lượng thấp. Diện tích đất trồng lúa không có hiệu quả đã được chuyến sang sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn như trồng cây ăn quả, mở rộng trang trại chăn nuôi, nuôi cá và các cây có giá trị kinh tế cao. Khai thác thủy sản biển đang giảm dần khai thác ven bờ, ngư dân tiếp tục đóng tàu, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đánh bắt cá, hướng tới khai thác bền vững và đánh bắt xa bờ.

 **1.2.** Cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế ngành đã có sự chuyển dịch theo hướng hiệu quả hơn, chuyển mục tiêu sản xuất tăng về số lượng sang mục tiêu sản xuất tăng chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm, mở rộng ngành sản xuất, sản phẩm có lợi thế so sánh và thị trường tiêu thụ sản phẩm thuận lợi. Cơ cấu sản xuất được điều chỉnh theo hướng khai thác và phát triển lợi thế so sánh nguộn lực của mỗi địa phương và của từng ngành nông nghiệp, sản xuất theo nhu cầu thị trường trong nước và thế giới. Một số nông sản đã khẳng định được vị thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Cơ cấu ngành hàng, sản phẩm xuất khẩu thể hiện rõ nét hơn. Tăng tỷ trọng các ngành sản xuất sản phẩm có lợi thế so sánh về chất lượng và thị trường tiêu thụ như: sản phẩm tôm nước lợ, cá tra và rau, hoa, quả, các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế và sức khỏe, các sản phẩm lâm sản...Thị trường tiêu thụ nông sản được mở rộng đến 185 quốc gia, kim ngạch xất khẩu tiếp tục tăng mạnh như sản phẩm tôm, cá tra, gạo và các sản phẩm hoa, quả.

 **1.3. Các hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới mô hình sản xuất và phát triển rõ nét hơn**, lấy nhu cầu thị trường làm mục tiêu sản xuất, kinh doanh. Các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng được phát triển, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng và địa phương.

 **Kinh tế hợp tác xã:** hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng được phát triển phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng và địa phương nhằm nâng cao giá trị sản phẩm. Số lượng hợp tác xã hoạt động theo Luật HTX tăng qua các năm, đến 9/2019, cả nước đã có 45 liên hiệp HTX nông nghiệp, 14.811 HTX nông nghiệp (tỷ lệ HTX tham gia dịch vụ tiêu thụ nông sản cho xã viên tăng từ 10% trước đây lên trên 20,5%).

 Sáu tháng đầu năm 2020 số lượng hợp tác xã được thành lập là 16.180 HTXNN. Số HTX hoạt động đánh giá đạt hiệu quả đạt loại tốt và khá đạt tỷ lệ 65%. Có 1.262 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở 62 trong 63 tỉnh, thành phố. trong đó, có 888 HTX trồng trọt, 74 HTX chăn nuôi, 63 HTX thủy sản, 01 HTX diêm nghiệp, 236 HTX tổng hợp và có 33.418 tổ hợp tác.

 **Kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình:** Kinh tế trang trại nông nghiệp phát triển. Các trang trại ngày càng sử dụng nhiều đất đai, lao động và sản xuất với quy mô hàng hóa lớn hơn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng, hợp tác liên kết quy mô lớn tiếp tục được mở rộng ở các ngành chăn nuôi, trồng trọt, trồng rừng kết hợp với chăn nuôi, trồng cây ăn quả trên cả nước. Số lượng trang trại phát triển lên 35.500 (có số liệu là 34.214) trang trại theo tiêu chí mới, tăng 50,8% so với năm 2013.

 Việt Nam có 12 triệu hộ nông dân sản xuất nông nghiệp, trong đó 80% số hộ nông dân có diện tích canh tác dưới 1 ha, 20% lớn hơn 1 ha. Cả nước có 10 triệu hộ trồng cây hằng năm, bình quân mỗi hộ có 0,62 ha, có 5 triệu hộ trồng cây lâu năm, mỗi hộ canh tác trên diện tích bình quân 0,7 ha. Hơn 4 triệu hộ nuôi lợn, trong đó có 77% hộ chăn nuôi dưới 5 con. Có 8 triệu hộ nuôi gà trong đó có 90% số hộ nuôi dưới 49 con. Kinh tế hộ gia đình nông thôn đã có đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng của ngành kinh tế nông nghiệp, nhất là trong 6 tháng đầu năm 2020.

 **Doanh nghiệp tư nhân:** Lực lượng doanh nghiệp nông nghiệp ngày càng lớn mạnh và tâm huyết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Lực lượng doanh nghiệp tư nhân đang trở thành nòng cốt sản xuất nông nghiệp và trở thành lực lượng đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng cho sản phẩm nông sản. Đến tháng 9/2019 đã có 11.881 doanh nghiệp, tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp là 17,8 tỷ đồng/doanh nghiệp (cao hơn trung bình của cả nước là 10,2 tỷ đồng/doanh nghiệp), Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh. Đã phát triển được 1.420 mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng, tăng 602 chuỗi giá trị gia tăng so với cùng kỳ năm 2018, đạt 1.538 sản phẩm, tăng 142 sản phẩm và hình thành 3.287 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát theo chuỗi giá trị gia tăng, tăng 725 địa điểm.

 **Doanh nghiệp nhà nước:** được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hóa, đưa vốn đầu tư ra ngoài ngành, đã thực hiện sắp xếp đổi mới 100% DNNN. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh theo Nghị định số 30-NQ/TW, có 41/41 địa phương hoàn thành thẩm định phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới mô hình sản xuất, có 40 phương án đã được duyệt và 252/254 mô hình sắp xếp đổi mới sản xuất kinh doanh được duyệt và đang thực hiện theo nội dung cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đến hết năm 2020.

 **1.4. Khoa học công nghệ được ứng dụng rộng rãi hơn.** Đóng góp của khoa học và công nghệ trên 30% giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp, công tác nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ được công nhận là then chốt để đột phá cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Những năm qua, nhiều công trình nghiên cứu khoa học được công nhận và đưa vào sản xuất: 214 giống cây trồng, 15 giống thủy sản, 58 giống cây lâm nghiệp mới và 103 kỹ thuật tiến bộ khoa học. Đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu nhiệm vụ khoa học công nghệ và khuyến nông theo hướng ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, kỹ thuật thâm canh tiên tiến để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm, triển khai các chương trình nghiên cứu trọng điểm phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm khoa học công nghệ theo chuỗi giá trị gia tăng từ khâu chọn, nhân, chăm sóc giống đến sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và thương hiệu sản phẩm quốc gia. Thực hiện xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản phẩm để thống nhất quản lý chất lượng và phù hợp với những quy định của thị trường thế giới. Ngành nông nghiệp đã xây dựng được 1101 tiêu chuẩn (TCVN) và 217 quy chuẩn (QCVN), trong đó có 481 tiêu chuẩn và 82 quy chuẩn là cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành.

 **1.5. Công nghiệp chế biến và cơ giới hóa** trong nông nghiệp được đầu tư theo hướng phát triển chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao nhằm gia tăng giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh hàng nông, lâm, thủy sản.Cơ giới hóa sản xuất được triển khai mạnh, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, thu nhập cho nông dân. Ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL và ĐBSH có mức độ cơ giới hóa cao[[1]](#footnote-1), giảm chi phí sản xuất từ 15% đến 20%. Đã phát triển mạnh công nghiệp chế biến theo chiều sâu. Đến nay, cả nước có 7.500 cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp có quy mô công nghiệp, tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu tăng cao như: cà phê hòa tan, tăng 2,83 lần, sản lượng thủy sản đạt 50% và giá trị đồ gỗ 76%, dược liệu được chế biến sâu. Nhờ đó, giá trị tăng thêm trong chuỗi giá trị sản phẩm qua chế biến đạt 15,3%. Từ năm 2017 đến nay, đã có 30 dự án đầu tư vào chế biến sản phẩm nông nghiệp đã hoạt động và đang triển khai trên cả nước với tổng sô vốn đầu tư trên 20.000 tỷ đồng.

 **1.6. Thị trường tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản được mở rộng**, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chất lượng cao, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường thế giới.Sản phẩm nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đã xuất khẩu đến 185 quốc gia và vùng lãnh thổ. Kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 157,49 tỷ USD, tăng 51,2% so với giai đoạn trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 40,02 tỷ USD, tăng 9,6% so với năm 2017, thặng dư thương mại đạt 8,72 tỷ USD, tiếp tục duy trì 10 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, trong đó có 5 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ, tôm, rau quả, cà phê, hạt điều). Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 30,02 tỷ USD, tăng 2,7% cùng kỳ năm 2018, thặng dự thương mại 9 tháng đầu năm đạt 6,86 tỷ USD. Tỷ trọng nông sản, có lợi thế, tăng cao như: rau, quả tăng từ 3% lên 9,59%, hạt điều tăng từ 5,4% lên 9,63%, đồ gỗ và lâm sản tăng từ 18% lên 22%. Năng lực cạnh tranh, uy tín và thương hiệu nông sản Việt Nam tiếp tục được nâng cao trên thị trường quốc tế. Trong 6 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu nông sản tăng trưởng âm do tác động của dịch bệnh Covid-19. Nhiều mặt hàng đã có hợp đồng ký kết nhưng không xuất khẩu. Đặc biệt, các thị trường chính của nông sản Việt như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản… vẫn đang trong quá trình khống chế, khắc phục bệnh dịch.

##  Số liệu của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho biết: kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 6 ước đạt 3,15 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020 đạt 18,81 tỷ USD, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2019.

|  |
| --- |
|  |
|  |

 Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 8,94 tỷ USD, giảm 2,7%, giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 190 triệu USD, giảm 19,4%, giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 3,56 tỷ USD, giảm 8,6%, giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,3 tỷ USD, tăng 2,7%.

 Thị trường Hoa kỳ, Nhật Bản, Úc, Trung Quốc, Hàn Quốc... là những thị trường nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam, với thị phần chiếm lần lượt là 24,2%, 21,9%, 8,8% và 6,1%. Trong 6 tháng đầu năm 2020 một số mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu giảm: rau quả, giá trị xuất khẩu đạt 1,79 tỷ USD, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2019, sản phẩm chè sản lượng xuất khẩu ước đạt 19 triệu USD và giá trị xuất khẩu đạt 90 triệu USD, giảm 8,1% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng cà phê xuất khẩu ước đạt 216 triệu USD và giá trị xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,59 tỷ USD, tăng 1,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nước Đức, Hoa Kỳ và Italy là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam.

 **2. Những thách thức**

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được nêu trên, quá trình cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp thời gian qua và trong 6 tháng đầu năm 2020 xuất hiện một số rào cản và đang phải đối mặt với nhiều thách thức:

 **2.1. Thách thức từ những hạn chế, khó khăn trong ngành nông nghiệp và nông dân, nông thôn.**

 **2.1.1. Thách thức từ ngành kinh tế nông nghiệp**

- Quá trình cơ cấu lại diễn ra chậm, kết quả chưa đạt so với mục tiêu và yêu cầu đề ra, tốc độ tăng trưởng không đạt mục tiêu, không vững chắc. Nhiều địa phương không có quy hoạch, xác định cơ cấu cây trồng, chăn nuôi, sản phẩm lợi thế so sánh phù hợp, rõ ràng và biểu hiện sản xuất theo phong trào.

 - Năng suất lao động trong nông nghiệp: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức NSLĐ rất thấp, thấp nhất trong các khu vực kinh tế, đến năm 2018 theo giá trị hiện hành đạt 39,8 triệu đồng/lao động, chỉ bằng 38,9% NSLĐ của toàn nền kinh tế, bằng 30,4% NSLĐ của khu vực công nghiệp và xây dựng, bằng 33,7% khu vực dịch vụ. Đến nay năng suất lao động khu vực nông nghiệp còn thấp, tốc độ tăng NSLĐ chưa có bước đột phá mạnh mẽ và so sanh với các nước ASEAN, năng suất lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của Ma-lai-xi-a gấp 11,9 lần mức NSLĐ của Việt Nam, In-đô-nê-xi-a gấp 2,4 lần, Thái Lan gấp 2,1 lần và Phi-li-pin gấp 1,8 lần.

 **-** Các tổ chức sản xuát quy mô sản xuất nhỏ, gặp hạn chế trong việc nâng cao NSLĐ do khó tiếp cận và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, tiếp cận tín dụng chính thức hạn chế, thiếu lao động có kỹ năng, kỷ luật lao động cao, khó tham gia và học hỏi từ chuỗi giá trị gia tăng do các doanh nghiệp có công nghế sản xuất hiện đại dẫn dắt và không khai thác được hiệu quả sản xuất trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về địa lý và quy mô sản xuất công nghiệp.

 - Sản lượng, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều mặt hàng nông sản thấp về giá và chất lương. Thị trường tiêu thụ diễn biến khó dự báo, xuất khẩu nông sản phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc, chiếm tỷ trọng 26,9% tổng kim ngạch XK nông sản 6 tháng đầu năm 2020, nhất là các sản phẩm nông sản tươi, sơ chế như: hàng rau quả chiếm 64,9%, cao su chiếm 67,4%, công tác dự báo thị trường trong nước, thế giới về biểu cung và biểu cầu yếu kém. do đó, đã xảy ra tình trạng hàng hóa nông sản tồn đọng, tiêu thụ chậm, giá giảm, ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập và đời sống của người dân.

 - Khoa học công nghệ chưa phát huy hết vai trò then chốt nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa. Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại vào sản xuất, chế biến, bảo quản hạn chế, nhất là ở khâu thực hiện, triển khai ứng dụng việc nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát triển sản phẩm, trong đó có sản phẩm mới.

 - Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất chậm, kinh tế hộ gia định nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất quy mô nhỏ, thiếu nguồn lực phát triển chiếm tỷ lệ cao và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém làm cản trở quá trình CNH, HĐH, sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng, phát triển vùng nguyên liệu. Khó khăn thực hiện quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm không bền vững.

- Công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tồn tại nhiều nội dung hạn chế: Cơ sơ sở vật chất nghèo nàn, lao động quản lý và giáo viên dạy nghề thiếu về số lượng, hạn chế năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đào tạo lao động không theo nhu cầu thị trường, không khảo sát nhu cầu học nghề, chuyển đổi ngành nghề lao động. Đào tạo nghề không gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động. Nhiều cơ sơ đào tạo không xây dựng kế hoạch đào tạo và sử dụng nguồn lao động tại chỗ. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo không thường xuyên. Đào tạo lao động nông thôn không theo nhu cầu sử dụng của hợp tác xã, doanh nghiệp, trang trại và hộ gia đình nông dân. Đào tạo lao động không theo nhu cầu phát triển vùng sản xuất hàng hóa, nhu cầu sử dụng công nghệ cao của doanh nghiệp.

Điểm yếu lao động nông thôn hiện nay là chất lượng lao động thấp, độ tuổi lao động trong nông nghiệp đang già hóa, nữ hóa và lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ rất thấp. Lực lượng lao động đơn giản, lao động theo thời vụ chiếm tỷ lệ cao.

- Các ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp thiếu, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các ngành công nghiệp tăng cao và phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các ngành nông nghiệp tăng cao,giá nông sản không canh tranh được với các nông sản nhập khẩu, nông dân không còn hăng hái với sản xuất nông nghiệp. Lao động nông thôn đang bỏ ra đô thị tìm việc làm và chuyển sản xuất nông nghiệp từ thâm canh sang sản xuất quảng canh, chăn nuôi và nghề phụ gia đình đang giảm sút.

 - Thu hút nguồn lực xã hội đầu tư sản xuất nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, tỷ trọng vốn đầu tư xã hội vào ngành nông nghiệp khoảng 5,8% so với các ngành, lĩnh vực khác.

 - Thu nhập và đời sống của người dân thấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, chậm được cải thiện và phát triển chưa bền vững.

 - Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19, dịch bênh gia súc, gia cầm, hạn hán và nhiễm mặn ở các vùng đồng bằng trải rộng trên đất nước.

 **-** Hạn chế của nhiều sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu dưới dạng thô, chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm thấp.

 **-** Thể chế thị trường nông sản hiện nay chủ yếu dựa vào quan hệ thương mại giữa nông dân với doanh nghiệp theo hợp đồng dễ dẫn đến sự độc quyền mua và độc quyền bán của doanh nghiệp dẫn đến thiệt thòi thu nhập cho người nông dân.

 **2.1.2. Thách thức từ người nông dân.**

 Thực tế cho thấy, người nông dân còn rất nghèo và thụ động, việc giải quyết giảm nghèo chưa gắn liền với phát triển kinh tế nông thôn và thiếu thể chế bền vững, nguy cơ trở lại nghèo đói của người nông dân rất cao. Nông dân là bộ phận công dân ít được hưởng phúc lợi xã hội, nhất là về giáo dục, y tế. An sinh xã hội ở nông thôn chưa được thực hiện cơ bản: bảo hiểm thiệt hại do thiên tai, những rủi ro thị trường và bảo hiểm xã hội. Thực tế ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy, thực hiện các vấn đề an sinh xã hội ở nông thôn bằng các giải pháp thị trường sẽ không đưa lại kết quả tốt.

 Người nông dân thiếu việc làm ở nông thôn ra thành thị tìm việc làm thuê với giá lao động thấp, bị đối xử không công bằng. Không có quy hoạch chuyển đổi cơ cấu lao động khi đưa lao động nông thốn sang lao động ở ngành nghề khác. Nông dân tham gia thị trường lao động nhưng không được đào tạo nghề phù hợp.

 Quyền lợi của người nông dân chưa được bảo vệ vì thiếu "nghiệp đoàn nông dân". Nông dân là người yếu thế, các quyền về lao động trên thị trường thể hiện yếu, quan hệ lao động trên thị trường lao động của người nông dân thiếu sự công bằng. Thực trạng người nông dân thiếu đất sản xuất, không được hưởng lợi từ việc đầu cơ, tích tụ ruộng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đất đai để hoang hóa đang diễn ra. Thực trạng này có nguyên nhân từ sự quản lý, kiểm soát đất đai yếu kém từ Nhà nước. " Ở các nước có thể chế sở hữu tư nhân về đất đai, nhà nước kiểm soát việc sử dụng đất đai rất chặt chẽ và hiệu quả".

 **2.1.3. Thách thức từ xã hội nông thôn**

 Nông thôn thiếu mạng lưới an sinh xã hội hoạt động có hiệu quả như bảo hiểm y tế, bảo hiểm sản xuất khi gặp thiên tai, dịch bệnh...

  Ô nhiễm môi trường ở nông thôn đang diễn ra nghiêm trọng: ô nhiễm rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt, ô nhiễm không khí và nhất là ô nhiễm đất sản xuất và hệ quả là người nông dân mắc nhiều bệnh tật, sức khỏe lao động giảm sút.

 Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế nông nghiệp với phát triển nông thôn có một số điểm mâu thuẫn: Thực tế cho thấy, có vùng phát triển nông nghiệp mạnh thì không chuyển đổi được cơ cấu kinh tế nông thôn, không tạo thêm được việc làm và không tăng thu nhập cho người nông dân từ sản xuất nông nghiệp. Thực trạng thiếu việc làm ở nông thôn hiện nay sẽ hạn chế nâng cao năng suất lao động trong các ngành kinh tế nông thôn và tăng thu nhập cho người nông dân. Không có việc làm mới để tăng thu nhập cho người lao động nông thôn, người dân nông thôn phải đi tìm việc làm ở nơi khác. Thiếu sót trong quy hoạch lao động hiện nay dẫn đến nhiều vùng sản xuất nông nghiệp thiếu lao động , giá lao động tăng cao và tỷ lệ lao động có độ tuổi trẻ thấp. Đóng góp vật chất của người dân nông thôn nhiều, dịch vụ cung cấp phúc lợi xã hội thấp và được hưởng lợi từ các nguồn cung cấp phúc lợi từ chinh sách của nhà nước thấp.

 **2.2. Yêu cầu hội nhập và các hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết**

 Trong bối cảnh Việt Nam đã đàm phán và ký kết thành công các Hiệp định thương mai thế hệ mới FTA như Hiệp định thương mại toàn diện và tiến bộ xuyên thái bình dương (CPTPP), Hiệp định thương mại Việt Nam và EU (EVFTA) và các Hiệp định thương mại khác Việt Nam đã ký trong những năm qua. Trước bối cảnh đó đăt ra yêu cầu về phát triển các thị trường yếu tố sản xuất, khai thác tiềm năng đang có và phân bổ lại nguồn lực hiệu quả... để nước ta phát triển là những câu hỏi đặt ra hiện nay. Vì vậy, việc cải cách thể chế kinh tế thị trường phù hợp các quy định trong các Hiệp định Việt Nam đã ký kết trở nên cấp thiết.

 **2.3. Cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế**

 Yêu cầu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng luôn là một chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ nhằm đưa đất nước phát triển toàn diện và vững bền, sớm trở thành nước công nghiệp hiện đại. Sau khi thành công trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam bắt đầu bước vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ năm 2010. Chủ trương này được chính thức hóa trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2011-2020, trong đó nhấn mạnh đến chuyển đổi mô hình kinh tế bằng việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng, thúc đẩy cơ cấu lại và điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, áp dụng các hình thức thu hút đầu tư đa dạng, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước, nước ngoài và phát triển nguồn lực nội lực, tiếp thu nguồn lực ngoại lực vào phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật đáp ứng những yêu cầu trên đã bộc lộ những hạn chế trong nền tảng thể chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn:

 **Thứ nhất:** Nhận thức nền tảng thể chế kinh tế thị trường hiện đại chưa rõ ràng ở ba nguyên lý cơ bản là: **thực hiện các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện đai.**

 **Chất lượng hệ thống quản lý nhà nước chưa phù hợp với nguyên lý quản lý nhà nước đối với một nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện đại.**

 **Đầu tư và động viên, sử dụng nguồn vốn con người chưa phù hợp với nền kinh tế thị trường và có nhiều hạn chế.**

 **Thứ hai:** Pháp luật và chinh sách thể hiện sự yếu kém ở các nội dung:

 - Khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách trong một số lĩnh vực như đất đai, khoa học công nghệ, giáo dục, đào tạo lao động chưa theo kịp thực tiễn, chưa thực sự trở thành nhận tố có giá trị cốt lõi, tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội.

 - Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành để triển khai thực hiện chuyển đổi mô hình kinh tế chậm. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật xây dựng hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường vận hành hiệu quả có nhiều hạn chế, chưa đồng bộ, nhất là các quy định về quản lý giá, chính sách về giá, phí sử dụng dịch vụ hạ tầng chậm được đổi mới. Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất thực hiện chậm.

 - Công tác chỉ đạo điều hành bộ máy thực hiện công việc phát triển kinh tế - xã hội có hạn chế, yếu kém và gặp nhiều khó khăn, thách thức.

 - Sự phối hợp giữa các chính sách tài khóa, tiền tệ, thương mại, đầu tư và các chính sách khác trong thực hiện các mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô và tăng trưởng kinh tế chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

 Việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế ở nhiều lĩnh vực trong nông thôn chậm đổi mới. Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng khó khăn, cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại các ngành kinh tế nông thôn thiếu và không phù hợp với nguyên lý vận hành của nền kinh tế thị trường cạnh tranh. Thực hiện chinh sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư vào phát triển kinh tế nông thôn yếu kém.

 Chính sách phát triển khoa khọc công nghệ thiếu các giải pháp đồng bộ và cơ chế khuyến khích kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa khọc công nghệ.

 Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở nhiều bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị chưa tinh gọn, hiệu quả, còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương hạn chế, nhất là trong giải quyết các vấn đề liên kết các ngành kinh tế và vùng kinh tế.

 Công việc thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo có nhiều hạn chế. Cải cách hành chính trên nhiều lĩnh vực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của thực tiễn, tiến độ thực hiện nhiều đề án, dự án chậm, thiếu kiểm tra, giám sát.

 Nhiều quy định về thủ tục hành chính phức tạp, khó thực hiện, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, gây khó khăn, phiền hà cho người dân và doanh nghiệp. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành liên quan trong giải quyết thủ tục hành chính thiếu nhất quán, không đồng bộ.

 Thực hiện công khai minh bạch thủ tục hành chính tại các cấp hạn chế, cung cấp dịch vụ công trong một số lĩnh vực chưa đáp ứng nhu cầu của người dân.

 **Thứ ba:** Tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách.

 Tư duy, nhận thức về phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn chậm đổi mới và chưa theo kịp nhu cầu phát triển của thực tiễn hiện nay. Pháp luật và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người nông dân chưa phù hợp, thiếu đồng bộ và thiếu quy định cụ thể, rõ ràng đã tạo nên những khó khăn cho người thực hiện trách nhiệm và nhiệm vụ được phân công .

 Việc lãnh đạo, quản lý, triển khai thực hiện các quy định trong luật pháp, chính sách phát triển kinh tế, xã hội của chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội không chặt chẽ và có nhiều sai phạm. Tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách lúng túng, không rõ ràng , hiệu suất thực thi pháp luật, chinh sách rất thấp.

 **2.4.** **Dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực đến toàn bộ các hoạt động kinh tế - xã hội Việt Nam và toàn cầu**.

 Trong 6 tháng, các tổ chức quốc tế liên tục hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trong báo cáo tháng 6/2020, IMF dự báo kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu, giảm 4,9% và ngân hàng thế giới (WB) dự báo giảm khoảng -5,2, mức suy thoái sâu hơn nhiều so với khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và năm 2009 (năm 2009, GDP toàn cầu giảm 1,67% , theo số liệu của WB).

 Đối với Việt Nam, dù là nước kiểm soát dịch Covid-19 thành công, nhưng kinh tế Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong 6 tháng năm 2020. Tăng trưởng GDP quý 2 đạt 0,36% và 6 tháng đầu năm đạt 1,81%, là mức tăng trưởng thấp nhất trong 10 năm, nhưng vẫn là quốc gia có mức tăng trưởng dương. Hiện nay, tình hình dịch bệnh hết sức phức tạp, chưa được kiểm soát ở nhiều quốc gia và tiếp tục có những tác động mạnh đến kinh tế - xã hội thế giới và Việt Nam. Vì vậy, cần thiết phải thường xuyên theo dõi tình hình dịch bệnh, đánh giá ảnh hưởng tới kinh tế thế giới và trong nước, để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và kế hoạch ứng phó kịp thời với dịch bệnh, thiên tai, nhất là những chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động.

 **3. Giải pháp cơ bản**

Để vượt qua thách thức, bám chặt thời cơ mới của đất nước, thế giới vào cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi mô hình kinh tế phù hợp với xu hướng phát triển mới. Chuyên đề, đề xuất một số giải pháp cơ bản:

 **3.1. Nhóm giải pháp cải cách thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh**

 3.1.1. Cải cách thể chế kinh tế hiện nay chuyển dịch sang thể chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước pháp quyền, lấy người dân "là gốc". Lấy thị trường làm cơ sở khoa học cho tư duy kinh tế, tư duy phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng nhà nước là một chủ thể tham gia vào thị trường cạnh tranh với ba chức năng cơ bản là: Thực hiện sự công bằng - bình đẳng trong sản xuất, kinh doanh và phân phối thu nhập từ sự tăng trưởng kinh tế quốc nội (GDP). Duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô. Và thực hiện tốt các chính sách dịch vụ công, chinh sách kinh tế, chính sách xã hội tốt nhất cho người dân và thực hiện tính hiệu quả của nền kinh tế thị trường cạnh tranh nhân văn.

 Xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Tiếp thu, xây dựng và sử dụng chuẩn mực kinh tế, đạo đức, xã hội và thực tiễn quốc tế tốt nhất của nền kinh tế thị trường hiện đại trong thiết kế, giám sát và đo lường kết quả của cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh. Xây dựng mối quan hệ sản xuất nông nghiệp bền vững theo chuỗi giá trị gia tăng giữa Doanh nghiệp, hợp tác xã với nông dân.

 3.1.2. Các giải pháp cải cách thế chế, cải thiện môi trường kinh doanh hướng đến phát triển các loại thị trường nhân tố sản xuất, thị trường tiêu thụ hàng hóa, đảm bảo cạnh tranh công bằng, lành mạnh và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế thị trường nhằm tăng hiệu quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng sản xuất, phát triển các loại sản phẩm mới, nâng cao hiệu quả phân bổ các nguồn lực và là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, làm cho hoạt động kinh doanh tự do hơn, thuận lợi hơn, an toàn hơn, rủi ro trong sản xuất giảm và giảm chi phí sản xuất cho toàn nền kinh tế. Hỗ trợ nhà đầu tư và doanh nghiệp về vốn, đào tạo lao động, khoa học công nghệ… Nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong các ngành nghề của nền kinh tế.

 3.1.3. Các giải pháp cải cách thể chế hướng đến giải quyết tốt mối quan hệ hài hòa trong các mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông thôn và nông dân trong chiến lược xây dựng nông thôn phát triển toàn diện.

Hỗ trợ tăng cường năng lực cho các cộng đồng nông thôn để nông dân tham gia thật sự vào việc phát triển nông thôn.

 Xây dựng thể chế nông thôn dựa vào cộng đồng, nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức hợp tác xã và các tổ chức Hiệp hội nghề nghiệp, Hội nông dân. Xây dựng mối quan hệ phát triển cộng đồng với phát triển các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, du lịch nông thôn, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn.

 Xây dựng thể chế và chính sách khuyến khích phát triển các tổ chức (doanh nghiệp) cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ trên các mặt: xã hội, kinh tế, thông tin thị trường, công nghệ kỹ thuật và đào tạo lao động. Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, cân bằng sinh học, thân thiện với thiên nhiên và mang đậm giá trị văn hóa truyền thống nhân văn của dân tộc.

 3.1.5. Đổi mới vai trò, chức năng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống pháp luật trên tinh thần sáng tạo. Trong đó, nhấn mạnh vai trò sáng tạo chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giúp nền kinh tế vượt qua bẫy thu nhập trung bình và dịch bệnh Covid-19. Vì vậy, cải cách bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại cần được thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước và tạo ra một vai trò mới của thể chế được thể hiện rõ hơn và hiệu quả hơn ở các khía cạnh: mở ra động lực và tinh thần khởi nghiệp của người dân, đổi mới sáng tạo của các loại hình doanh nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0.

 **3.2. Nhóm giải pháp thực thi chính sách**

 3.2.1. Các văn bản chính sách như Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 6/2/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển DN đến năm 2020 và các chính sách đã được bổ sung... đã theo hướng này nhưng cần thực hiện tốt hơn, thường xuyên giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, công khai, minh bạch kết quả của từng bộ, ngành, địa phương.

 3.2.2. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước, trong đó tập trung quản lý nợ công theo hướng bảo đảm an toàn, bền vững, quản lý tài chính, ngân sách nhà nước có kỷ cương và phát triển hệ thống tài chính tín dụng lành mạnh, tập trung xử lý có hiệu quả các tổ chức tín dụng yếu kém, cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu của nền kinh tế, phát triển thị trường tài chính cân bằng hơn, điều hành linh hoạt và phối hợp tốt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác, nhất là chính sách điều chỉnh các loại giá, phí do nhà nước quản lý.

 3.2.3. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới, sáng tạo, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu sản xuất từ các hoạt động sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng thấp sang các hoạt động sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao từ việc phát triển nguồn vốn con người và tăng chi tiêu cho nghiên cứu khoa học, công nghệ và phát triển ứng dụng. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ, đào tạo lao động nông thôn là yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hạ chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp về giá và chất lượng. Đồng thời thực hiện đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và thị trường nhập khẩu nguyên liệu sản xuất.

 3.2.4. Các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cần được triển khai hiệu quả như Quyết định số 712/2010/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”. Thực hiện đúng Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

 3.2.5. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực do Nhà nước phân bổ như: đầu tư công, đất đai, các loại tài nguyên, thiên nhiên và tài sản nhà nước. Trong đó, tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tham nhũng, lãng phí, nợ đọng xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư công, đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư từ nhà nước, cải cách quản trị đối với DNNN, đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại DNNN, giao quyền tự chủ đầy đủ, đi đôi với giao trách nhiệm rõ ràng cho các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

 3.2.6. Hiện đại hóa công nghệ sản xuất nhằm tăngnăng suất lao động trong các ngành kinh tế nông nghiệp, phát triển chuỗi giá trị gia tăng trong phát triển đối với 3 ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, thúc đẩy tăng năng suất lao động và sản lượng hàng hóa trong các ngành kinh tế ở nông thôn. Các chính sách công nghiệp phải được kết hợp, điều phối chặt chẽ và đồng bộ để có hiệu quả cao và đạt được mục tiêu cụ thể trong việc gia tăng chuỗi giá trị hàng hóa của các ngành kinh tế, hỗ trợ các dự án nghiên cứu khoa học, công nghệ và ứng dụng vào sản xuất. Thúc đẩy liên kết các ngành kinh tế và liên kết các vùng kinh tế.

**Tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo, bài viết về phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn tại hội thảo, hội nghị của các Bộ, ngành kinh tế trên trung ương và các địa phương:

 **-** Báo cáo kết quả sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020, Tổng cục thống kê.

 **-** Báo cáo đánh giá 4 tháng, 5tháng đầu năm 2020 BNN&PTNN về sản xuất ngành nông nghiệp.

##  - Báo cáo tại buổi họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020, sáng 29/6, tại Hà Nội.

 - Các bài phát biểu của các đại biểu Quốc Hội.

####  - Thông cáo báo chí tại Hội nghị “Cải thiện năng suất lao động quốc gia”.

 - Tài liệu Hội thảo Nâng cao chất lượng , hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, ngày 9 tháng 8 năm 2019.

  - Đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến ngành kinh tế nào của Việt Nam? TS. Cấn Văn Lực và Nhóm tác giả Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV công bố báo cáo đánh giá về tác động của Covid-19 lên các ngành kinh tế Việt Nam.

#####  - Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng phó dịch bệnh Covid-19 *(13/03/2020* Hội nghị trực tuyến toàn quốc về thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong điều kiện dịch bệnh Covid-19.

 - VGP News dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến xuất khẩu.

 - Viện khoa học nông nghiệp Thị trường nông sản cần hỗ trợ xuất khẩu.

 - Tạp trí Dân tộc học và phát triển “ Đã đến lúc ngành nông nghiệp phải tự giải cứu mình”.

 - Tạp trí Cộng sản " Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân".

 - Tạp chí FORBES Việt Nam "Mô hình phát triển bền vững cho trồng trọt Việt Nam".

- Thị trường lao động Việt Nam: Nhiều cơ hội lắm thách thức. Tác giả Hồng Ngọc, tháng 6 năm 2020.

- Cần hỗ trợ doanh nghiệp có nhiều lao động. Tác giả TS. John Waish, tháng 5 năm 2020.

- Năm 2020 tâm thế và định hướng mới phát triển thị trường lao động Việt Nam. Tạp chí lao động - Việc làm, tháng 1 năm 2020.

- Giải pháp hỗ trợ lao động nông thôn, lao động vùng biên di cư ra thành thị và các khu công nghiệp ở Việt Nam. Tạp chí giáo dục, năm 2019.

- Người lao động khó chống đỡ với đợt dịch mới. Tác giả Lê Duy Bình, tháng 8 năm 2020.

2. Vấn đề tiêu chuẩn về lao động trong Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Tác giả thạc sĩ Trương Thanh Tùng.

3. Hiệp định thương mại Việt Nam - EU

4. Giáo trình kinh tế học của hai Giáo sư kinh tế học

người Mỹ PAUL A. SAMUELSON và WILLAM D. NORDHAUS.

 5. Luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp

 6. Dự thảo báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam.

1. Khâu làm đất đạt 98% (có 8 tỉnh đạt 100%), khâu thu hoạch đạt 82% (cao nhất là tỉnh Long An, An Giang đạt 98%, Vĩnh Long đạt 97%, Kiên Giang đạt 95%); sấy lúa chủ động đạt 46%, tuốt lúa, xay xát lúa gạo đạt 100%. [↑](#footnote-ref-1)